

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HS-ST
Ngày: 13-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tấn Dũng.

Bà Ngô Thị Lệ Nga.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Thành Tâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Cao Hoài N, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2001, tại An Giang. Nơi cư trú: Khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Thanh V và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ con (C sống như vợ chồng với người khác); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 04/10/2018, Tòa án thị xã T, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản (lúc này bị cáo chưa đủ 18 tuổi); Ngày 18/02/2020, Tòa án thị xã T, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 19/3/2021; tạm giữ: Ngày 19 tháng 01 năm 2024; tạm giam: Ngày 28 tháng 01 năm 2024; có mặt.

2. Cao Văn H (còn có tên là O), sinh ngày 21 tháng 7 năm 1982, tại An Giang. Nơi cư trú: Khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không (tại phiên tòa bị cáo khai theo đạo Cao đài); quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao

Văn H1 và bà Hồng Thị Bích L; chưa có vợ con; tiền sự: Không; tiền án, 02: Ngày 03/10/2018, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xử phạt 02 năm tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 05/3/2020; Ngày 19/02/2021, Tòa án nhân dân thị xã Châu Đốc (nay là thành phố C), tỉnh An Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy (đã áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm), chấp hành xong ngày 20/01/2023, chưa xóa án tích; nhân thân: Ngày 20/12/2005, Công an thị trấn T xử phạt hành chính 100.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng; Ngày 30/01/2007, Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh An Giang xử phạt 02 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và trộm cắp tài sản, chấp hành xong 09/8/2008; Ngày 04/02/2010, UBND thị xã T, tỉnh An Giang áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện thời hạn 02 năm; Ngày 03/11/2012, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xử phạt 02 (hai) năm tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong 20/4/2014; Ngày 13/11/2017, Công an thị xã T, tỉnh An Giang xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; tạm giữ, tạm giam: Không (Đang bị tạm giam trong vụ án khác); có mặt.

- Bị hại:

1. Hồ Văn N1, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có đơn xin vắng mặt;

2. Hồ Thị K, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có đơn xin vắng mặt;

3. Hồ Bảo D, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2003; Nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có đơn xin vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Cao Thanh V, sinh ngày 22 tháng 10 năm 1976; Nơi cư trú: Khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt.

- Người làm chứng: Nguyễn Thị Bé B, Lê Văn T1, Đỗ Công B1, Lê Giàu Q, Cao Thị Y, Phan Tuyết N2; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 02 giờ sáng ngày 18/01/2024 gia đình ông Hồ Văn N1 phát hiện mất trộm tài sản là 3 xe mô tô, 01 điện thoại di động và 2.000.000 đồng nên trình báo Công an thị trấn T. Xét thấy, vụ án có tính chất phức tạp nên Công an thị trấn T kết hợp với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H tiến hành xác minh làm rõ, xác định Cao Hoài N và Cao Văn H là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên. Cụ thể như sau:

Cao Hoài N và Cao Văn H có mối quan hệ bà con và cùng cư trú tại phường L, thị xã T, tỉnh An Giang. Vào khoảng 00 giờ, ngày 18/01/2024, Cao Hoài N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên điều khiển xe mô tô loại xe Mio, màu trắng, biển số: 67K5 – 8206, đến nhà Cao Văn H rủ đi sang huyện H tìm tài sản lấy trộm. H đồng ý. Cả hai qua bến đò Mương Miếu, điều khiển xe chạy đến khóm T, thị trấn T, huyện H, thấy nhà ông Hồ Văn N1 có tầng 1 đang mở cửa nên dừng xe lại. N leo lên chuồng gà cặp vách nhà rồi tiếp tục đứng lên vai của H để leo lên tầng 1. Sau khi N leo được lên tầng 1 thì H dẫn xe đi ra khỏi nhà ông N1 chờ N, còn N đi vào trong nhà và đi xuống tầng trệt thấy trong phòng ngủ có cái quần đang treo trên sào đồ, có cái ví trong túi quần nên N lấy cái ví kiểm tra bên trong có nhiều tờ tiền Việt Nam mệnh giá khác nhau tổng số tiền 2.000.000 đồng. N lấy tiền bỏ vào túi quần và ném ví xuống nền gạch. Tiếp tục, N đi ra phía phòng khách bật công tắc mở đèn sáng rồi lấy bộ điều khiển (remote) bật nút mở cửa cuốn (cửa chính) để mở cửa. Lúc này, N nhìn trên kệ tủ thấy điện thoại di động SAMSUNG J4+, màu đen, 04 xe mô tô đang dựng, trong đó có xe Vison biển số 66G1-260.04, xe Future Neo FI biển số: 66G1-393.62, xe WAVE RSX biển số: 66N1-363.60 và xe WAVE. Trong đó, có xe V1 và xe Future Neo FI có sẵn chìa khóa trên xe. Sau khi cửa cuốn mở lên, N lấy điện thoại bỏ vào túi quần, tiếp tục dắt xe Future Neo FI, xe Wave RSX và xe Vison ra khỏi nhà ông N1 để ngoài đường lộ. Lúc này, N điều khiển xe Future Neo FI chạy về hướng bến đò Mương Miếu. Khi đến nơi thấy H đang đợi, N đem xe Future Neo FI giấu vào chỗ bóng tối, rồi H điều khiển xe Mio chở N tiếp tục quay lại nhà ông N1 lấy xe Vison. Cả hai qua đò Mương Miếu rồi dựng xe Vison ở khu vực bóng tối gần bến phà ở thị xã T. Sau đó, tiếp tục đi qua đò Mương Miếu đến huyện H để lấy xe Future Neo FI. Sau khi di chuyển 02 phương tiện vừa trộm được về phía thị xã T, N điều khiển xe Future Neo FI, H điều khiển xe Mio về nhà, Nam cất giấu điện thoại vừa lấy trộm và để lại xe Mio tại nhà. N điều khiển xe Future Neo FI chở H quay lại lấy xe Vision. H điều khiển xe Future neo FI, Nam điều khiển xe Vision đến nhà Lê Giàu Q (bạn của N) ở xã C, thị xã T, tỉnh An Giang gửi cho Q. Lúc này, trời sáng nên cả hai về nhà không quay lại lấy xe WAVE RSX.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, N đến nhà Q tháo hai biển số xe bỏ vào cốp xe Vision, rồi lấy xe Future Neo FI chạy về gửi tại nhà giữ xe Bệnh viện Đ.

Đến khoảng 13 giờ ngày 19/01/2024, N nhờ chị Cao Thị Y (nhà ở khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang, chở đến Bệnh viện Đ để lấy xe về gửi nhà chị Y thì chị Y đồng ý.

Đến 19 giờ ngày 19/01/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Cao Hoài N và tiến hành các hoạt động điều tra. Ngày 24/01/2024, Cao Văn H bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh An Giang bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Vật chứng thu giữ và xử lý:

2.000.000 đồng (trong đó của Cao Hoài N 140.000 đồng, của ông Cao Thanh V là cha của bị can N giao nộp thay 1.860.000 đồng) để bồi thường thiệt hại cho bị hại Hồ Văn N1; Xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại xe VISION, màu sơn đỏ đen, biển số: 66G1-260.04; Xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại xe FUTURE NEO FI, màu sơn đỏ xám đen, biển số 66G1-393.62; Xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX, màu sơn đỏ đen, biển số: 66N1-363.60; Ốp lưng điện thoại bằng nhựa, màu xám; Thẻ sim điện thoại MobiFone; ví màu da bò; Điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG J4+, màu đen, tất cả đã qua sử dụng; Điện thoại di động, nhãn hiệu S A12, màu trắng đen, đã qua sử dụng, của Cao Hoài N không liên quan đến việc phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H ra quyết định xử lý vật chứng và trao trả cho các bị hại Hồ Văn N1, Hồ Thị K, Hồ Bảo D và Cao Hoài N là chủ sở hữu.

01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn trắng, số máy: 5WP202202, số khung: RLCM5WP204Y002202, biển số: 67K5 – 8206 là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội tiếp tục quản lý xử lý theo quy định.

Kết luận định giá tài sản số 04/KLHĐĐGTS -TTHS ngày 24/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận:

- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại xe VISION, màu sơn đỏ đen, số máy: JF58E0386590, số khung: RLHJF5807EY500802, biển số: 66G1-260.04, đã qua sử dụng. Trị giá: 9.500.000 đồng.

- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại xe FUTURE NEO FI, màu sơn đỏ xám đen, số máy: JC35E2023129, số khung: RLHJC350X7Y608397, biển số 66G1-393.62 đã qua sử dụng. Trị giá: 18.600.000 đồng.

- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX, màu sơn đỏ đen, số máy: JA38E0378013, số khung: RLHJA3 801GY129545, biển số: 66N1-363.60, đã qua sử dụng. Trị giá: 5.900.000 đồng.

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG J4+, màu đen, đã qua sử dụng. Trị giá: 200.000 đồng.

- 01 (một) ốp lưng điện thoại bằng nhựa, màu xám, đã qua sử dụng. Trị giá: 10.000 đồng.

- 01 (một) thẻ sim điện thoại MobiFone, đã qua sử dụng. Trị giá: 25.000 đồng.

- 01 (một) cái ví màu da bò, đã qua sử dụng. Trị giá: 10.000 đồng.

Tại Cáo trạng truy tố số 20/CT-VKSHN ngày 07 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (BLHS), xử phạt bị cáo N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 17, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (BLHS), xử phạt bị cáo H từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”.

- Về vật chứng: Sung quỹ Nhà nước xe mô tô sử dụng vào việc phạm tội.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Hồ Văn N1, Hồ Thị K, Hồ Bảo D đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bồi thường.

- Đối với Lê Giàu Q, Cao Thị Y là những người cho các bị can Cao Hoài N và Cao Văn H gửi xe nhưng về ý thức không biết xe do phạm tội mà có nên không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Cả 2 bị cáo đều không có ý kiến bào chữa, tranh luận, chỉ nói lời sau cùng:

Bị cáo N xin giảm nhẹ hình phạt, đã ăn năn hối cải, sớm về với gia đình.

Bị cáo H xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về hòa nhập cộng đồng, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị hại có đơn xin vắng mặt, người làm chứng vắng mặt không rõ lý do dù đã được triệu tập hợp lệ; Theo đề nghị của Kiểm sát viên, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, bị hại không có yêu cầu bồi thường thiệt hại, họ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án; Các bị cáo, người bào chữa không có ý kiến. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đã chứng minh được: Cả 2 bị cáo đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Các bị cáo đã có hành vi cùng nhau trộm tài sản gồm: 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại VISION, biển số: 66G1-260.04, trị giá 9.500.000 đồng, của bị hại Hồ Thị K; 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại FUTURE NEO FI, biển số 66G1-393.62, trị giá 18.600.000 đồng của bị hại Hồ Bảo D; 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại WAVE RSX, biển số: 66N1-363.60, trị giá 5.900.000 đồng, 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG J4+, trị giá 200.000 đồng, 01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa, màu xám, trị giá 10.000 đồng, 01 thẻ sim điện thoại MobiFone, trị giá 25.000 đồng, 01 cái ví màu da bò, trị giá 10.000 đồng và 2.000.000 đồng của bị hại Hồ Văn N1; Tổng trị giá tài sản trộm là 36.245.000 đồng. Riêng bị cáo H chưa được xóa án tích đã bị áp dụng tình tiết tái phạm, nên lần này là tái phạm nguy hiểm. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 và điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS.

[5] Các bị cáo cố ý cùng thực hiện tội phạm nên thuộc trường hợp đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo N là chủ mưu, có vai trò chính, khởi xướng, rủ rê, cũng là người thực hành trực tiếp thực hiện tội phạm. Bị cáo H có vai trò thứ yếu là người thực hành giúp sức, tích cực đi cùng bị cáo N đến nhà bị hại, chờ bị cáo N trộm xong lấy xe trộm được chạy về. Tại phiên tòa, bị cáo H cho rằng không giúp bị cáo N leo vào nhà bị hại, do bị cáo N tự leo vào, nhưng lời khai tại cơ quan điều tra đã thừa nhận và cũng xác định không bị ép buộc khai. Kể cả khi bị cáo H không giúp cho bị cáo N trèo vào nhà thì bị cáo cũng đã là đồng phạm khi thống nhất đi trộm cùng bị cáo N như vừa phân tích. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 58 của BLHS.

[6] BLHS quy định:

“Điều 17. Đồng phạm

1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm...

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: ...

g) Tái phạm nguy hiểm...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[7] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[8] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Các bị cáo có lỗi cố ý trực tiếp và đã thực hiện tội phạm hoàn thành.

[9] Các bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo lắng; là nguy hiểm cho xã hội. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật

[10] Về nhân thân, tiền án, tiền sự: Bị cáo N từng bị xử phạt tù 2 lần. Bị cáo H có 02 tiền án dùng để định khung hình phạt, ngoài ra cũng có nhân thân rất xấu, nhiều lần bị xử phạt tù, xử phạt, xử lý hành chính và đang bị tạm giam trong vụ án khác như đã nêu ở phần đầu bản án.

[11] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[12] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả 02 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Căn cứ vào các tình tiết vừa nêu để giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt, để các bị cáo có cơ hội sớm trở về làm lại cuộc đời, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[13] Về hình phạt bổ sung: Điều kiện kinh tế của các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

[14] Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[15] Về xử lý vật chứng, tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm: Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[16] Các vấn đề khác Viện kiểm sát không đề cập là phù hợp, không xem xét trong vụ án này.

[17] Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[18] Qua vụ án này, Tòa án đề nghị người dân cần nêu cao tinh thần cảnh giác đối với tội phạm trộm cắp tài sản, khóa cửa cẩn thận khi ngủ, giữ gìn, bảo quản tài sản, không để kẻ trộm có cơ hội tiếp cận lấy tài sản của mình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 17, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Cao Hoài N đồng phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Cao Hoài N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 01 năm 2024.

2. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 17, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Cao Văn H đồng phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Cao Văn H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

3. Về xử lý vật chứng, tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm, căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn trắng, số máy: 5WP202202, số khung: RLCM5WP204Y002202, biển số: 67K5 – 8206, đã qua sử dụng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08 tháng 4 năm 2024.

4. Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Cao Hoài N và Cao Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13 tháng 6 năm 2024). Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại (nếu có);
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi giám sát, giáo dục người được hưởng án treo (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú